

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 206/2025/DS-ST

Ngày: 31-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Ông Phan Hoàng Nam

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 785/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vĩnh Q, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Phường 2, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Vạn L, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng Minh N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 26/02/2024 ông Q có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L vay số tiền 55.000.000 đồng. Việc vay tiền được các bên lập “Biên bản ký nhận tiền vay” ngày 26/02/2024, nội dung ông Q cho vợ chồng ông D, bà L vay số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn vay là gần 12 tháng, từ ngày 26/02/2024 đến ngày 12/02/2025; lãi suất vay là 1%/tháng. Việc trả gốc và lãi được các bên quy định cụ thể như sau: Đợt thứ 1 ngày 20/6/2024 trả nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 2.200.000 đồng; đợt thứ 2 ngày 20/10/2024 trả gốc là 15.000.000 đồng và lãi là 1.400.000 đồng; đợt thứ 3 ngày 12/02/2025 trả gốc 20.000.000 đồng và lãi là 800.000 đồng. Tại “Biên bản ký nhận tiền vay” ngày 26/02/2024 các bên thỏa thuận với nhau tiền vay sẽ được ông Q chuyển khoản vào số tài khoản của con trai ông D, bà L tên Nguyễn Hoàng Minh N thông qua số tài khoản 6440205760558 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Thực hiện việc vay tiền thì cùng ngày 26/02/2024 ông Q đã chuyển số tiền 45.000.000 đồng và ngày 27/02/2024 đã chuyển số tiền là 10.000.000 đồng vào số tài khoản của con trai ông D, bà L tên Nguyễn Hoàng Minh N thông qua số tài khoản 6440205760558 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán đợt đầu tiên là ngày 20/6/2024 vợ chồng ông D, bà L không thực hiện việc trả tiền, ông Q đã nhiều lần liên hệ để đòi nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn và không trả tiền. Ngày 20/11/2024 ông Q đã gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả hết cho ông một lần toàn bộ nợ gốc và lãi nhưng bị đơn vẫn không trả tiền. Từ lúc vay tiền cho tới nay, bị đơn chưa trả cho ông Q khoản tiền gốc và lãi nào cũng như không có thiện chí gặp mặt để thương lượng nói chuyện.

Nay ông Q yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 1%/tháng tính từ ngày 28/02/2024 đến ngày 12/02/2025 là 5.225.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu ông D và bà L trả là 60.225.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn). Ông Q không yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 13/02/2025 đến khi xét xử. Yêu cầu bị đơn trả một lần và trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền cho bị đơn vay là tiền riêng của ông Nguyễn Vĩnh Q. Ông Q có vợ là bà Nguyễn Thị Quỳnh T và đã ly hôn từ năm 2000. Hiện nay ông Q đang sống độc thân.

Ngày 10/12/2024 ông Nguyễn Vĩnh Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Vạn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Minh N:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ L vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông D, bà L, ông N vắng mặt không có L do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ L giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 1%/tháng tính từ ngày 28/02/2024 đến ngày 12/02/2025 là 5.225.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả là 60.225.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Vĩnh Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L trả tiền vay, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn hiện cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 10/12/2024 ông Nguyễn Vĩnh Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị

Vạn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Minh N không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền 60.225.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó bao gồm 55.000.000 đồng nợ gốc và 5.225.000 đồng nợ lãi trong hạn.

[3.1] Ngày 26/02/2024 giữa nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Q và bị đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L ký với nhau “Biên bản ký nhận tiền vay”, nội dung ông Q cho ông D bà L vay số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26/02/2024 đến ngày 12/02/2025; lãi suất vay là 1%/tháng. Các bên thỏa thuận với nhau tiền vay sẽ được ông Q chuyển khoản vào số tài khoản của con trai ông D, bà L tên Nguyễn Hoàng Minh N thông qua số tài khoản 6440205760558 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Căn cứ “Biên bản ký nhận tiền vay” ngày 26/02/2024 có chữ ký chữ viết của ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Vạn L; căn cứ vào Công văn số 1486/NHNo.NTPHCM-KTGS ngày 23/12/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 4696 ngày 23/12/2024 của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam về các giao dịch chuyển khoản giữa ông Q và con của ông D, bà L là Nguyễn Hoàng Minh N có cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng và bị đơn đã nhận đủ số tiền vay.

Giao dịch giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay tài sản có quy định lãi suất và thời hạn trả nợ. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý phù hợp với các quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Vạn L không trả cho ông Q bất kỳ khoản tiền gốc và lãi của các đợt thanh toán nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Nguyễn Thị Vạn L, sinh năm 1975 và Nguyễn Hoàng Minh N, sinh năm 2000 có hộ khẩu thường trú: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979

hộ khẩu thường trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Cả 03 nhân khẩu thực tế cư trú tại thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ L vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận vay nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.3] Về yêu cầu tính tiền lãi: Tại “Biên bản ký nhận tiền vay” ngày 26/02/2024, giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận tiền lãi vay trong hạn là 1%/tháng từ ngày 26/02/2024 đến ngày 12/02/2025.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*. Như vậy việc thỏa thuận lãi của các bên là phù hợp với quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc tính lãi trong hạn của nguyên đơn.

Việc tính lãi như sau: Nguyên đơn xác nhận ký “Biên bản ký nhận tiền vay” vào ngày 26/02/2024 nhưng đến ngày 27/02/2024 mới chuyển khoản hết số tiền vay cho bị đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lãi trong hạn từ ngày 28/02/2024 đến ngày 12/02/2025, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về thời gian tính lãi của nguyên đơn.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn = 55.000.000 đồng x 11 tháng 16 ngày x 1%/tháng = 6.343.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tuy nhiên, tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, ông Q chỉ yêu cầu bị đơn trả cho ông số tiền lãi là 5.225.000 đồng. Yêu cầu trả tiền lãi của ông Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 5.225.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 55.000.000 đồng + 5.225.000 đồng = 60.225.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 60.225.000

đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn). Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.225.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Q Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vĩnh Q đối với ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Vĩnh Q số tiền 60.225.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo “Biên bản ký nhận tiền vay” ngày 26/02/2024.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Vạn L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.011.250 đồng (Ba triệu không trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Vĩnh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.471.250 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0042906 ngày

09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có L do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (12).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Thị Tuyết